

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2019/HS-ST
Ngày: 22-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sùng A Xà.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Vũ.

2. Bà Nguyễn Thị Khuyên.

3. Bà Điều Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 94/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HS ngày 08/11/2019 đối với các bị cáo:

1. Vừ A T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1987, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ Vừ Sổng D, sinh năm 1967 và mẹ đẻ Vàng Thị D (tại phiên tòa bị cáo khai mẹ đẻ là Vàng Thị S), sinh năm 1968; có vợ Sùng Thị S, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2019 đến ngày 18/8/2019, tạm giam từ ngày 19/8/2019 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Sùng Pó L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1996, tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Sớ T, sinh năm 1965 và bà Vừ Thị X, sinh năm 1966; có vợ Chá Thị H, sinh năm 1999 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân:

Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giữ từ ngày 16/8/2019 đến ngày 18/8/2019, tạm giam từ ngày 19/8/2019 tại trại Tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vừ A T do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử:* Ông Hoàng Tiến N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (Số thẻ luật sư: 12567/LS, Liên đoàn Luật sư VN cấp ngày 10/11/2017) (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sùng Pó L do Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên cử:* Ông Lê Đình T – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên (Số thẻ luật sư: 12566/LS, Liên đoàn Luật sư VN cấp ngày 10/11/2017) (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Sùng Thị S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Bản P, xã X, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:* Bà Lường Thị N, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người phiên dịch tiếng H'Mông:* Ông Sùng A C, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tháng 6 năm 2019, Vừ A T có quen biết một người đàn ông khoảng 30 tuổi tên Pháy C nhà ở M; Pháy C có hỏi T về việc mua bán ma túy loại Methamphetamine. Sau đó T kể lại cho em vợ là Sùng Pó L nghe và hỏi Pó L có biết chỗ nào có ma túy bán không? Pó L đã gọi điện thoại cho Sùng A S nhà ở bản M, xã X, huyện Đ và được biết S đang có ma túy bán. Pó L sang nhà anh trai là Sùng A N mượn xe máy đi đến nhà Sùng A S mua nợ được 29 túi ma túy Methamphetamine với giá 80 triệu đồng, thỏa thuận khi nào Pó L gọi điện thì S mang ma túy đến giao cho L. Sáng ngày 16/8/2019, L cho T biết đã chuẩn bị được 29 túi ma túy giá 4 triệu đồng/01 túi, tiền lãi chia đôi. T gọi điện thoại thông báo cho Pháy C biết đã có 29 túi ma túy loại Methamphetamine giá 4 triệu đồng/01 túi, hẹn Pháy C gặp nhau trong ngày 16/8/2019 tại khu vực bản C, xã B, huyện M. Khoảng 10 giờ ngày 16/8/2019 Pó L và T mỗi người đi một xe máy đến bản C, xã B gặp Pháy C cùng một người đàn ông khác (không biết tên). Bốn người gặp nhau thì đi vào quán ăn cơm, Pháy C và người đàn ông đi cùng cho Pó L, T xem tiền. Xem xong tiền, T ở lại cùng Pháy C và người đàn ông đi cùng, Pó L quay ra gọi điện thoại cho S không được sau đó nhờ anh trai Sùng A G gọi cho S mang ma túy đến khu vực xã X giao cho Pó L. Sau đó Pó L đi đến xã X thì gặp Sùng A S và nhận 29 túi ma túy, L quần vào một chiếc áo đi mưa màu xanh, mang đến quán cơm tại bản C, xã B. Khi bốn người đang trao đổi mua bán ma túy thì bị tổ công tác của Công an huyện M phát hiện bắt quả tang Sùng Pó L, Vừ A T cùng vật chứng 29 túi nilon; trong đó 24 túi nilon màu xanh

và 05 túi nilon màu hồng bên trong có 5.737 viên màu hồng là ma túy Methamphetamine, có khối lượng 601,35 gam; 58 viên màu xanh không phải là ma túy, có khối lượng 5,75 gam.

Tại Biên bản mở niêm phong trích lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng hồi 8 giờ ngày 17/8/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Điện Biên xác định: 29 túi chứa 5.795 viên có khối lượng 607,1 gam. Cơ quan điều tra đã ra quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định vật chứng thu giữ của Pó L, T có phải là chất ma túy không? Là chất ma túy thì loại chất ma túy gì? Khối lượng bao nhiêu?.

Tại Bản Kết luận giám định số 866/GĐ-PC09 ngày 30/8/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 29 (Hai mươi chín) mẫu viên nén màu hồng được kí hiệu Đ1 đến Đ24 và K1 đến K5, trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng Pó L, Vừ A T gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Không tìm thấy ma túy trong 29 (Hai mươi chín) mẫu viên nén màu xanh được kí hiệu X1 đến X24 và G1 đến G5 trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng Pó L, Vừ A T gửi giám định.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Sùng Pó L, Vừ A T là 601,35 gam viên nén màu hồng và 5,75 gam viên nén màu xanh.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 31/QĐTCGD-PC04 ngày 18/10/2019 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên giám định 29 mẫu túi nilon màu trắng, bên trong mỗi mẫu túi có chứa 01 viên nén màu xanh kí hiệu L1 đến L24 và A1 đến A5 thu giữ của Sùng Pó L, Vừ A T có phải ma túy không?

Tại Bản kết luận giám định số 980/GĐ-PC09 ngày 24/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Không tìm thấy chất ma túy trong 29 (Hai mươi chín) mẫu viên nén màu xanh kí hiệu L1 đến L24 và A1 đến A5 trích ra từ vật chứng thu giữ của Sùng Pó L, Vừ A T gửi giám định.

Tại bản Cáo trạng số 77/QĐ-VKS-P1 ngày 05/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Sùng Pó L, Vừ A T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ngồi duy trì công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Sùng Pó L 20 năm tù; xử phạt bị cáo Vừ A T 20 năm tù; miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, miễn án phí

hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người bào chữa cho các bị cáo cơ bản đồng thuận với quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh và điều luật áp dụng đối với các bị cáo. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251, điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố. Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và không bổ sung thêm lời bào chữa của các vị luật sư bào chữa; nói lời sau cùng hai bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Sùng Thị S đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi phạm tội của các bị cáo theo quyết định truy tố:

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ A T, Sùng Pó L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã công bố là đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với các biên bản hỏi cung của các bị cáo khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 16/8/2019 đối với Vũ A T, Sùng Pó L; vật chứng thu giữ là 29 túi trong đó 24 túi nilon màu xanh, 05 túi nilon màu hồng; phù hợp với Kết luận giám định: Là chất ma túy, Loại Methamphetamine, có khối lượng 601,35 gam.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Vũ A T, Sùng Pó L đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy có khối lượng 601,35 gam Methamphetamine, nhằm mục đích bán kiếm lời. Xét thấy hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét về tính chất vụ án, HĐXX thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 9 BLHS. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, song vì mục đích tư lợi, các bị cáo đã bất chấp pháp luật của Nhà nước và cố ý thực hiện hành vi phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy. Hành vi đó của các bị cáo đã

xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý về các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án này mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là những người thực hành tích cực. Do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với các bị cáo, để trừng phạt những người có hành vi phạm tội và giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội do hoàn cảnh gia đình khó khăn, sự nhận thức pháp luật còn hạn chế. Bởi vậy, Hội đồng xét xử cần xem xét cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã đề nghị HĐXX áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251 BLHS và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo và xử phạt bị cáo Vừ A T 20 (Hai mươi) năm tù; xử phạt bị cáo Sùng Pó L 20 (Hai mươi) năm tù; không phạt bổ sung bằng tiền đối với hai bị cáo vì hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn không có khả năng thi hành. HĐXX thấy rằng đề nghị của Kiểm sát viên đại diện VKSND tỉnh Điện Biên về tội danh, Điều luật áp dụng, mức hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và xử lý vật chứng đối với các bị cáo trong vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bào chữa:

Tại phiên tòa, những người bào chữa đã phân tích tính chất của vụ án, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của các bị cáo, nêu ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo do mình tham gia bào chữa. Những người bào chữa cơ bản nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt theo quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của hai vị Luật sư bào chữa cho hai bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Quan điểm của Kiểm sát viên; quan điểm của Luật sư đồng thuận với nhau, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung bằng tiền (Có biên bản xác minh trong hồ sơ), nên Hội đồng xét xử cần miễn hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Trong vụ án còn thể hiện theo lời khai của các bị cáo thì có các đối tượng Sùng A S, trú tại bản M, xã X, huyện Đ và Sùng A G, trú tại bản P, xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã nhiều lần triệu tập và tiến hành xác minh, nhưng hai đối tượng này không có mặt tại nơi cư trú, nên cơ quan điều tra để xác minh làm rõ, xử lý sau.

Người có tên là Pháy C và người đàn ông đi cùng Pháy C, do bị cáo Vừ A T không biết địa chỉ cụ thể, nên cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành như chất ma túy còn lại cần tịch thu để tiêu hủy; vật chứng là công cụ, phương tiện phạm tội như: Điện thoại di động; xe máy điện cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Riêng xe máy thu giữ của Vừ A T là tài sản chung của vợ chồng, bà Sùng Thị S là vợ của bị cáo T không biết việc T đã dùng xe vào việc phạm tội nên được trả lại $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc xe máy cho bà S (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/5/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành Dân sự tỉnh Điện Biên).

Các tài sản và giấy tờ không liên quan đến vụ án như: Chiếc xe máy, hiệu HONDA BLADE biển kiểm soát 27B1-571.79 tạm giữ của Sùng Pó L quá trình điều tra xác định xe máy là của Sùng A N cho L mượn; Sùng A N không có lỗi, không biết việc Pó L đã dùng vào việc phạm tội; điện thoại di động; giấy chứng minh nhân dân mang tên Vừ A T, thu giữ của T; giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mang tên Sùng Pó L, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên đã có Quyết định xử lý vật chứng đồ vật, tài liệu số 35 ngày 25/10/2019 trả cho chủ sở hữu là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo thuộc diện được miễn án phí hình sự theo quy định của Chính Phủ. Do đó, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Vừ A T và Sùng Pó L.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư, người bào chữa cho các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vừ A T, Sùng Pó L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vừ A T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 16/8/2019).

- Áp dụng điểm b Khoản 4 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Sùng Pó L 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (Ngày 16/8/2019).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a Khoản 2; điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 586,2 gam Methamphetamine là vật chứng còn lại sau khi giám định.

- 01 phong bì thư bưu điện, mặt trước có dòng chữ đánh máy: Vĩnh Hạ Long Di sản thiên nhiên thế giới và dòng chữ viết tay: Mẫu vật hoàn lại theo kết luận giám định số: 980/GĐ-PC09, ngày 24/10/2019 của Phòng PC09 – CAT Điện Biên.

- Một chiếc áo đi mưa màu xanh – đen đã cũ, thu giữ của Sùng Pó L.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe Mô tô, xe máy số: 068057 mang tên Vừ A T, đăng ký biển kiểm soát: 27B1 – 74162.

*** Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:**

- 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím bấm nhãn hiệu mobell, màu hồng, đã qua sử dụng, thu giữ của Sùng Pó L.

- 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím bấm, nhãn hiệu mobiistar, đã qua sử dụng, thu giữ của Vừ A T.

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA – WAVE RS, màu đen – xanh, số khung: RIHJA3801GY719856, số máy: JA38E – 0310786, biển kiểm soát: 27B1 – 741.62, xe cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Vừ A T.

*** Trả lại cho bà Sùng Thị S:**

- ½ giá trị chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA – WAVE RS, màu đen – xanh, số khung: RIHJA3801GY719856, số máy: JA38E – 0310786, biển kiểm soát: 27B1 – 741.62, xe cũ đã qua sử dụng, thu giữ của Vừ A T.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 06/11/2019).

4. Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo Vừ A T và Sùng Pó L.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019).

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Những người bào chữa;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã X, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (T/báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND tối cao);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Sùng A Xà